TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-PT
Ngày 02 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 04 tháng 4 năm 2024 và ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc *Tranh chấp về thừa kế tài sản.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Bảo C**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Trần Thị Kiều O**, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

+ Bà **Quách Thị N**, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Chị O, bà N đều ở địa chỉ: thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O, bà N: Chị **Trần Bảo C**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

+ Ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

+ Cụ **Đặng Thị M1**, sinh năm 1931 (Vắng mặt).

+ Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – chị Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Theo Nguyên đơn – chị Trần Bảo C:**

Bố đẻ chị là Trần Xuân X có hai người vợ là Đặng Thị M1 và Quách Thị N. Ông X đã chết ngày 06/02/2022.

+ Ông X chung sống với bà M1 từ năm 1963 không đăng ký kết hôn, có 03 người con chung là Trần Quang K chết năm 1996, Trần Thế A chết năm 1995 đều chưa có vợ con và Trần Thị M (là bị đơn).

+ Ông X chung sống với bà N từ năm 1996, có hai con chung là Trần Kiều O và Trần Bảo C (nguyên đơn).

Năm 2018 ông X ly hôn bà M1, ngày 17/10/2019 ông X đăng ký kết hôn với bà N tại UBND xã P, huyện Đ. Ngoài 05 người con đẻ nêu trên, ông X không còn con nuôi, con riêng, không có cha nuôi, mẹ nuôi; Bố mẹ đẻ ra ông X đều đã chết trước ông X.

Trước khi chết, ông X có tài sản là thửa đất số 569 tờ bản đồ số 14 diện tích 224,1m^2 tại thôn P, xã Đ, huyện Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra ông X không còn tài sản nào khác. Chị biết ông X còn để lại 03 khoản nợ phải thi hành theo quyết định Thi hành án số 47/QĐ–CCTHADS ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng gồm: nợ bà Trần Thị N2 30.000.000 đồng, ông Nguyễn Mạnh H 9.650.000 đồng, vợ

chồng ông Phạm Hồng T, bà Nguyễn Thị T1 8.750.000 đồng, cộng bằng 48.400.000 đồng.

Chị có 02 bản di chúc do ông X viết bằng tay trong đó một bản không có người làm chứng, 01 bản có 04 người làm chứng được lập ngày 14/5/2020. Chị M có 03 bản tâm thư trong đó có hai bản đánh máy, 01 bản ông X đọc cho chị M viết khi ông nằm viện. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giám định chữ kí để xác định tính hợp pháp của các bản di chúc trên của ông X để chia di sản thừa kế theo di chúc mà ông X đã để lại và chia bằng hiện vật. Bà Nguyên mẹ đẻ chị cho chị và chị O kỷ phần của bà nên chị cũng đề nghị Hội đồng xét xử giao cả phần của chị cho chị O là chị gái chị, sau này chị và chị O tự giải quyết với nhau.

Chị không đề nghị giám định chữ ký chữ viết của ông X trong giấy cam kết ông X viết vào ngày 06/10/2021 tại nhà của bố mẹ chị ở thôn K, xã P vì khi còn sống bố chị chưa kịp thực hiện thủ tục tặng cho hợp pháp.

*** Theo Bị đơn – chị Trần Thị M:**

Chị là con gái của ông X, bà M1, hoàn cảnh gia đình, tên tuổi các thành viên và thời điểm bố đẻ chị qua đời cũng như di sản để lại đúng như nguyên đơn trình bày.

Ông X khi qua đời có để lại 02 bản di chúc và một bản tâm thư như chị đã cung cấp cho Tòa án, đều có nội dung tương đối giống nhau trong đó căn dặn để lại cho chị thửa đất là tài sản ông X được chia khi ông ly hôn mẹ chị, ông dặn chị bán đi một phần để trang trải mọi công việc gia đình, xây nhà thờ, còn lại cho hai em (C, O) 200.000.000 đồng.

Bản di chúc thứ nhất lập ngày 20/4/2020 âm lịch tức ngày 12/5/2020 dương lịch là bản di chúc đầu tiên ông X nhờ người đánh máy có người làm chứng ký và cất giấu ở dưới bát hương thờ anh K đặt tại ngôi nhà của bà M1 đang sinh sống ở xã Đ, di chúc chưa được chứng thực.

Bản di chúc thứ hai lập khi ông X ốm mệt, nằm viện, ông đọc cho chị viết lại sau đó ông trực tiếp ký, thời gian lập vào giữa trưa ngày 25/9/2021 khi mọi người trong phòng bệnh đang ngủ trưa, cán bộ bác sỹ đã nghỉ hết nên không có người làm chứng và chứng thực.

Bản di chúc thứ ba là một bức tâm thư được đánh máy có người làm chứng, bố chị giấu ở ngoài cổng nhà và dặn chị tìm lấy, nội dung cũng giống như bản di chúc thứ hai.

Đến tháng 4 năm 2022 trong ngày giỗ anh K, vợ chồng chị C đến nói là mảnh đất và các đồ đạc của ông X đã được chia cho chị C, đề nghị chị không được sử dụng, chị có nói với chị C em nào về đây ở thì ở, không ở thì bán đi một phần để lấy tiền xây nhà thờ. Tuy nhiên chị C không nghe mà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế, vì vậy chị yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ kí, chữ viết trong các bản di chúc hai bên cung cấp để xác định tính hợp pháp của các bản di chúc. Chị không chấp nhận, cũng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của Bản cam kết cho tặng ghi ngày 06/10/2021 mà chị C xuất trình vì việc tặng cho không hợp pháp. Nếu chị C vẫn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông X thì phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của ông X để lại gồm khoản nợ những người sau: vợ chồng ông T - bà T1 8.750.000 đồng, ông H 9.650.000 đồng, bà N2 30.000.000 đồng, chị L 15.000.000 đồng, bà S 13.500.000 đồng, bà H1 34.300.000 đồng, bà H2 165.000.000 đồng tương đương 03 cây vàng 9999, anh H3 15 chỉ vàng 9999, chị A 25.000.000 đồng. Các khoản nợ này mẹ chị đã đưa cho chị trả nợ thay. Tiền chi phí lo hậu sự cho khi X qua đời do chị trả gồm thuê rạp bạt 4.500.000 đồng, xây mộ 4.700.000 đồng, mua tiểu quách 25.000.000 đồng, trị huyệt 3.600.000 đồng, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bảo vệ quyền lợi cho chị.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Quách Thị N trình bày:**

Trước khi kết hôn với bà, ông X chung sống với bà Đặng Thị M1 từ năm 1963 nhưng không có đăng ký kết hôn và đã sinh được 03 người con như chị C, chị M trình bày. Do 02 người con trai của ông X, bà M1 chết khi chưa có vợ con nên từ năm 1997 ông X đã về chung sống như vợ chồng với bà tại nhà bố mẹ bà xây dựng ở thôn K, xã P, huyện Đ. Bà và ông X sinh được 02 người con chung là Trần Thị Kiều O và Trần Bảo C. Sau khi ly hôn bà M1 thì ông bà mới đi đăng ký kết hôn vào năm 2019. Ngày 02/02/2022 ông X chết.

Để giải quyết yêu cầu chia thừa kế của chị C, bà đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu được chia di sản, bà cho chị C và chị O mỗi người một nửa. Đối với các khoản chị M phải chi phí lo hậu sự cho ông X bà chỉ chấp nhận khoản tiền xây bia mộ cho ông X, các khoản còn lại do chị M tự tổ chức phúng viếng ông X tại nghĩa trang Đ, tự quản lý số tiền phúng viếng của bà con ở xã Đ thì chị M phải có trách nhiệm thanh toán. Bà đã có văn bản ủy quyền cho chị C tham gia tố tụng tại phiên tòa nên bà xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Trần Thị Kiều O trình bày: Chị O đề nghị được chia di sản bằng hiện vật, chấp nhận ½ suất thừa kế của mẹ đẻ chị cho chị. Chị đã ủy quyền cho chị C tham gia tố tụng và toàn

quyền quyết định mọi vấn đề trong quá trình giải quyết vụ án nên chị xin được vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị N1 trình bày: do ông X là người có nghĩa vụ phải trả bà số tiền 30.000.000 đồng theo quyết định thi hành án dân sự số 47/QĐ–CCTHADS ngày 23/10/2020 nên nếu chia di sản của ông X để lại thì bà yêu cầu các đồng thừa kế phải trả nợ cho bà, bà đã già yếu nên xin được miễn án phí đồng thời ủy quyền cho bà H2 tham gia giải quyết vụ án.

Bà Đặng Thị M1 có văn bản ủy quyền cho bà H2 tham gia giải quyết vụ án nên đã vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến trình bày.

Bà Phạm Thị H4 trình bày: Bà là em dâu của bà M1, nhận ủy quyền của bà M1, bà N1 tham gia tố tụng. Theo bà được biết thì khi cơ quan Thi hành án giao đất cho ông X theo bản án ly hôn thì bà M1 không có mặt chứng kiến do đang nằm viện nên không rõ phần nào là chia cho ông X, phần nào chia cho bà M1, từ đó đến nay bà M1 vẫn trông coi, bảo vệ và trồng hoa màu trên toàn bộ thửa đất. Sau khi ông X chết, bà M1 còn làm 01 nhà bằng tôn ở giữa thửa đất để cất giữ đồ dùng sinh hoạt của ông X. Vì vậy bà M1 đề nghị Tòa án khi chia di sản của ông X phải xem xét đến các khoản nợ ông X để lại đã được Tòa án xét xử và những khoản nợ mà những chủ nợ rút đơn tại Tòa án do ông X1 và chị M đứng lên nhận trách nhiệm trả nợ thay ông X gồm trả khoản nợ của bà là Phạm Thị H4 03 cây vàng tương đương số tiền 165.000.000 đồng vay mua xe máy cho ông X, bà Phạm Thị A1 25.000.000 đồng tiền bốc mộ cho hai con trai ông X, trả anh Nguyễn Quốc H5 15 chỉ vàng trị giá 77.500.000 đồng để làm lễ cầu siêu cắt kết cho dòng họ T2 và các con trai ông X, trả bà Trần Thị L1 15.000.000 đồng tiền chi phí cho việc bà M1 phải đi viện điều trị do bị ông X đánh khi chưa ly hôn, trả bà Đặng Thị H6 34.300.000 đồng tiền cúng giỗ cho mẹ đẻ và hai con trai ông X khi ông X, bà M1 chưa ly hôn, trả cho bà Trần Thị S1 số tiền 13.500.000 đồng sửa mái nhà chung của bà M1 và ông X, trả bà N1 30.000.000 đồng. Riêng khoản nợ của bà H4 ông X phải có trách nhiệm trả toàn bộ, các khoản còn lại ông X phải chịu trách nhiệm ½. Bà M1 đã trả thay rồi nên đề nghị bà N và các con phải có trách nhiệm trả lại cho bà M1.

Trước đây bà có yêu cầu Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án này để bà yêu cầu những người thừa kế của ông X phải trả nợ bà 0 cây vàng nói trên nhưng đến nay bà M1 đã đưa tiền cho chị M trả bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tại công văn số 14/2022 ngày 02/11/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng đề nghị: Chi cục đã ban hành Quyết định thi hành án số 47/2020/QĐ-CCTHADS ngày 23/10/2020 để thi hành 03 bản án dân sự số 02/2020; 04/2020 ngày 14/7/2020 và số 05/2020 ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng theo đơn yêu cầu của người được thi hành án và người được ủy quyền thi hành án là bà Nguyễn Thị N1 đối với người phải thi hành án là ông Trần Xuân X. Nội dung: ông X phải trả ông Nguyễn Văn H7 số tiền 9.650.000 đồng, trả ông Phạm Hồng T và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 8.750.000 đồng, bà Nguyễn Thị N1 số tiền 30.000.000 đồng. Tổng là 48.400.000 đồng. Hiện tại ông X đã chết, các đồng thừa kế đang có yêu cầu chia di sản thừa kế. Để quyền lợi công dân được bảo đảm, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng đề nghị Tòa án khi chia di sản của ông X quan tâm xem xét đến quyền lợi của các ông bà có tên nêu trên.

Kết luận giám định số 252/KL- KTHS ngày 05/9/2023 của V Bộ C1 Kết luận:

"Chữ viết, chữ ký cần giám định trên các mẫu ký hiệu từ A1 – A4 với chữ ký, chữ viết trong các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký".

"Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trần Xuân X dưới chữ bố trên mẫu ký hiệu từ A5 so với chữ ký, chữ viết trong các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 – M6 có phải do một người ký và viết hay không".

Biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 02/3/2023 xác định hiện trạng thửa đất số 569 tờ bản đồ số 14 ở thôn P, xã Đ có diện tích 224,1m^2 (180m^2 đất ở và 44,1m^2 đất trồng cây lâu năm) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông X trên thửa đất có tài sản được định giá như sau:

Về đất: Đất ở: 180m^2 x 2.100.000 đồng/m^2 = 378.000.000 đồng; Đất cây lâu năm 44,1m^2 x 100.000 đồng/m ^{2} = 4.410.000 đồng. Tổng trị giá là: 382.410.000 đồng.

Về tài sản trên đất: Tường xây quanh 02 mặt phía Nam, B dài 35,32m trị giá 15.275.135 đồng, các cây cối trồng trên đất trị giá: 13.379.000 đồng, 01 nhà quây tôn diện tích 12,5m^2 trị giá: 21.778.851 đồng .

Trong phần tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn và luật sư của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị HĐXX chia di sản thừa kế của ông X là thửa đất trên theo di chúc do ông X lập ngày 14/5/2020.

Thanh toán trả nợ cho những người được thi hành án gồm bà N1, ông T, bà T1 và ông H7. Vì bà M1 đã trả cho chủ nợ nên bà N, chị C, chị O chấp nhận hoàn trả cho bà M1 số tiền này. Các khoản nợ khác nguyên đơn không chấp nhận. Các chi phí chị M bỏ ra lo hậu sự cho ông X gồm tiền thuê rạp bạt tại nghĩa trang Đ, các chi phí xây mộ và mua tiểu quách, trị huyệt cho ông X nay chị C chấp nhận đó là các chi phí hợp lý ai được hưởng di sản thì sẽ hoàn trả cho chị M.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình:** đã áp dụng các Điều 612, 613, 614, 615, 617, 618, 620, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 633, 634, 640, 641, 643, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 5 Điều 26, Điều 35, 39, Điều 147, 156, 157, 159, 160, 161, 164, 165, 271, 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d, khoản 1 Điều 12, Khoản 1, 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Bảo C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Xuân X là quyền sử dụng thửa đất số 569 tờ bản đồ số 14 thuộc thôn P, xã Đ có diện tích 224,1m^2 (trong đó có 180m^2 đất ở và 44,1m^2 đất cây lâu năm), cây cối, tường bao trên đất có tổng trị giá 411.064.135 đồng. Xác định các bản di chúc ông X để lại đều không có hiệu lực pháp luật nên phải chia thừa kế theo pháp luật.

- Xác định các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến người để lại di sản gồm: Chi phí cho việc mai táng phí 37.800.000 đồng; Các khoản nợ ông X để lại 55.150.000 đồng. Thanh toán công sức trông nom duy trì bảo quản di sản cho chị M 15.000.000 đồng.

- Tổng giá trị di sản còn lại chia theo pháp luật là 303.314.135 đồng, được chia đều cho bà N, chị M, chị C, chị O, một suất thừa kế là 75.778.500 đồng.

- Chấp nhận tự nguyện của bà N, chị C nhường toàn bộ phần di sản được hưởng cho chị O.

- Giao cho chị O được quyền sử dụng 149,1m^2 đất trong đó có 119,8m^2 đất ở và 29,3m^2 đất cây lâu năm có ranh giới cụ thể và được quyền sở hữu phần công trình là 29,2m tường bao ở phía Đông và phía Bắc thửa đất, toàn bộ cây cối trồng trên đất có tổng trị giá 273.897.630 đồng.

Giao cho chị M được quyền sử dụng 75m^2 đất nằm ở phía Tây Bắc thửa đất trong đó có có 60,2m^2 đất ở và 14,8m^2 đất cây lâu năm có ranh giới cụ thể đồng thời được quyền sở hữu phần tường bao ở phía T dài 6,05m, và toàn bộ cây cối trồng trên đất, tổng trị giá 137.166.500 đồng.

(Vị trí, tọa độ các điểm được xác định trong sơ đồ kèm theo bản án)

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N1.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông T, bà T1.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà M1 về việc yêu cầu các đồng thừa kế của ông X phải trả cho bà M1 số tiền 6.750.000 đồng bà M1 đã trả cho bà S1 và 9.650.000 đồng trả cho ông T, bà T1 thay cho ông Trần Xuân X.

- Giao cho chị M có nghĩa vụ trả cho bà M1 số tiền trên.

- Giao cho chị M có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông X để lại theo quyết định Thi hành án số 47/2020/QĐ-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

- Chị O phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị M 22.784.500 đồng.

Chị M, chị O được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng kí, chuyển quyền làm chủ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Về kháng cáo:** Ngày 10/12/2023, chị M nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia lại ranh giới phần di sản mà chị M được hưởng theo hướng hợp lý hơn để khi chị M xây dựng nhà thờ thì không phải tháo dỡ nhà của mẹ đẻ chị.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Hai bên tự nguyện thỏa thuận chia lại đất cho vuông vắn, dễ sử dụng trong đó chị O được hưởng phần diện tích đất có chiều phía Bắc giáp đường giao thông dài 8,13m, chiều phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đăng D dài 19,14m, chiều phía Tây giáp đất giao cho chị M dài 18,73m, chiều phía Nam giáp phần đất còn lại dài 4,3m. Chị M được hưởng toàn bộ phần diện tích đất còn lại có hình chữ L ôm lấy phần diện tích đất chia cho chị O, cụ thể:

+ Chị O được quyền sử dụng 117m^2 đất nằm ở phía Đông thửa đất trong

đó có 94m^2 đất ở và 23m^2 đất cây lâu năm đồng thời được quyền sở hữu phần công trình là tường bao và toàn bộ các cây trồng trên diện tích đất này.

+ Chị M được quyền sử dụng 107,1m^2 đất nằm ở phía Tây Nam thửa đất trong đó có 86m^2 đất ở và 21,1m^2 đất cây lâu năm đồng thời được quyền sở hữu phần công trình là tường bao và toàn bộ các cây trồng trên diện tích đất này.

+ Chị M tự nguyện tháo dỡ gian nhà tôn trên phần đất của chị O và thanh toán cho chị O tiền chênh lệch tài sản. Hai bên không còn yêu cầu thanh toán tiền cây cối và tường bao trên đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trần Thị M, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo hướng chấp nhận sự thỏa thuận của chị C và chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của Bị đơn gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên yêu cầu kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị O và bà N vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị C tham gia tố tụng; ông H7, cụ M1, bà N1 không có kháng cáo, không liên quan đến việc giải quyết kháng cáo của chị M nên Toà án không triệu tập; căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Ngày 26/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nhận được Đơn kháng án bổ sung và đề nghị của bị đơn, nội dung cụ Đặng Thị M1 trình bày Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế cả một số tài sản của cụ bao gồm tường bao xây ngăn cách với đất ở của hàng xóm do cụ M1 xây và cây lâu năm cụ M1

trồng là không đảm bảo quyền, lợi ích của cụ M1, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét. Cụ M1 không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 08/12/2023, cụ M1 đã nhận được bản án sơ thẩm do Tòa án huyện Đ gửi qua dịch vụ bưu chính. Hết thời hạn kháng cáo theo quy định, cụ M1 không kháng cáo bản án, không trình bày lý do về việc kháng cáo quá hạn nên HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết đối với Đơn kháng án bổ sung và đề nghị của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của chị Trần Thị M:

Theo các đương sự trình bày thì thấy: Ông X là bố đẻ của nguyên đơn và bị đơn. Khi còn sống, ông chung sống với hai người là bà M1, bà N. Ông X và bà M1 không đăng ký kết hôn nhưng có ba người con chung trong đó 2 con trai đã chết khi còn trẻ, chưa lập gia đình, còn lại chị Trần Thị M. Từ 1997 ông X đã chung sống như vợ chồng với bà N và có hai con chung là Trần Thị Kiều O và Trần Bảo C. Năm 2018 ông ly hôn bà M1, năm 2019 ông đăng ký kết hôn với bà N, ông chết ngày 06/02/2022. Như vậy, những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất theo pháp luật của ông X gồm: Bà N, chị M, chị C, chị O.

Khi còn sống ông X có khối tài sản là thửa đất số 569 tờ bản đồ số 14 ở thôn P, xã Đ, huyện Đ, diện tích 224,1m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông X, được định giá đất có giá trị là 382.410.000 đồng; Các tài sản trên đất có giá trị là 28.654.135 đồng, tổng cộng 411.064.135 đồng.

Còn 01 gian nhà bằng tôn diện tích 12,5m^2 do cụ M1, chị M làm sau khi ông X chết, xác định không phải là di sản thừa kế của ông X mà là tài sản riêng của cụ M1 và chị M.

Chị M được hưởng công sức duy trì tôn tạo và bảo quản di sản là 15.000.000 đồng, chi phí hợp lý chị M đã bỏ ra lo hậu sự cho ông X là 37.800.000 đồng, nghĩa vụ của ông X để lại là 55.150.000 đồng.

Vậy di sản còn lại là: 411.064.135 đồng – (15.000.000 đồng + 37.800.000 đồng + 55.150.000 đồng) = 303.314.135 đồng, chia cho 4 người gồm bà N, chị M, chị C, chị O mỗi người 01 suất thừa kế có giá trị là 303.314.135 : 4 = 75.778.500 đồng.

Do bà N nhường toàn bộ phần của mình cho chị C, chị O, chị O ủy quyền cho chị C toàn quyền xử lý phần mình được hưởng, chị C đề nghị giao cho chị O toàn bộ phần chị được hưởng nên chị O được hưởng phần di sản là: 75.778.500 đồng x 3 = 227.335.500 đồng.

Chị M được hưởng phần di sản là 75.778.500 đồng + 15.000.000 đồng = 90.778.500 đồng và số tiền lo hậu sự, thực hiện nghĩa vụ của ông X.

Các đương sự đều xin được chia bằng hiện vật, diện tích và kích thước của thửa đất bảo đảm điều kiện tách thửa nên HĐXX cấp sơ thẩm đã chia di sản bằng hiện vật cho chị M, chị O và giao cho chị M phần diện tích theo tỷ lệ diện tích đất giữa đất ở và đất cây lâu năm của thửa 569 tờ bản đồ số 14 ở phía tây thửa đất trên phần đất này có ngôi nhà quây tôn bà M1 và chị M đã làm là phù hợp.

Chị M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cách chia di sản theo hướng: chiều phía Bắc của thửa đất giáp đường giao thông theo bản án chị M được chia có kích thước 6,05 m, nay chị xin nhận 4,05 m để chiều phía tây và phía đông kéo chạy dài hết thửa đất sao cho đủ diện tích Tòa án đã chia cho chị để cả 02 phần đất đều vuông vắn, dễ sử dụng hoặc chuyển nhượng. Nếu được chia lại, chị sẽ tự nguyện tháo dỡ gian nhà làm bằng tôn để giao đất cho chị O.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/4/2024, chị C, chị M thỏa thuận: Chia cho chị O được hưởng phần diện tích đất có chiều phía Bắc giáp đường giao thông dài 8,13m, chiều phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đăng D dài 19,14m, chiều phía Tây giáp đất giao cho chị M dài 18,73m, chiều phía Nam giáp phần diện tích đất còn lại dài 4,3m, tổng diện tích là 117m^2 trong đó có 94m^2 đất ở và 23m^2 đất cây lâu năm cùng tường bao và toàn bộ các cây trồng trên đất. Chia cho chị M toàn bộ phần diện tích đất còn lại là 107,1m^2 có hình chữ L ôm lấy phần diện tích đất chia cho chị O trong đó có 86m^2 đất ở và 21,1m^2 đất cây lâu năm cùng tường bao và toàn bộ các cây trồng trên đất.

Chị M tự nguyện tháo dỡ nhà quây tôn trên phần diện tích đất giao cho chị O và thanh toán cho chị O tiền chênh lệch tài sản, các đương sự đều không yêu cầu thanh toán tiền tài sản trên đất.

Như vậy, theo thỏa thuận trên, chị O được hưởng phần di sản thừa kế có giá trị là 94m^2 đất ở x 2.100.000 đồng/m^2 + 23m^2 đất CLN x 100.000 đồng/m^2 = 199.700.000 đồng; Chị M được hưởng phần di sản thừa kế có giá trị là 86m^2 đất ở x 2.100.000 đồng/m^2 + 21,1m^2 đất CLN x 100.000 đồng/m^2 = 182.710.000 đồng.

Chị M phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị O 182.710.000 đồng - 90.778.500 đồng = 91.931.500 đồng.

Tổng nghĩa vụ do ông X để lại (đã được chị M thanh toán toàn bộ) bao gồm: các khoản nợ 55.150.000 đồng, tiền mai táng phí 37.800.000 đồng, tổng = 92.950.000 đồng; như vậy mỗi đồng thừa kế có nghĩa vụ thực hiện phần nghĩa vụ do ông X để lại là 92.950.000 đồng : 4 = 23.237.500 đồng. Chị O hưởng 3 suất thừa kế nên chị O phải trả cho chị M số tiền 69.712.500 đồng.

Đối trừ tiền chênh lệch tài sản, chị M phải thanh toán cho chị O số tiền là: 91.931.500 đồng – 69.712.500 đồng = 22.219.000 đồng. (Chị M đã thanh toán ngay tại phiên toà).

[3] Từ những phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử thấy:

Cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trần Thị M. Chị C được bà N và chị O uỷ quyền tham gia phiên toà và quyết định toàn bộ các vấn đề của vụ án nên chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị C và chị M vì sự thoả thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo nội dung các đương sự đã thỏa thuận.

[4] Về án phí:

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên chị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do kỷ phần thừa kế các đồng thừa kế được hưởng không thay đổi nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trần Thị M. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm.

[2] Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình:

Áp dụng các Điều 612, 613, 614, 615, 617, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 5 Điều 26, Điều 35, 39, Điều 147, 156, 157, 159, 160, 161, 164, 165, 271, 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm d, khoản 1 Điều 12, Khoản 1, 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Bảo C về việc chia di sản thừa kế của ông Trần Xuân X là quyền sử dụng thửa đất số 569 tờ bản đồ số 14 thuộc thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV552793 ngày 22/06/2021 có diện

tích 224,1m^2 cùng cây cối, tường bao được trồng và xây dựng trên đất có tổng giá trị 411.064.135 đồng. Xác định các bản di chúc ông X để lại đều không có hiệu lực pháp luật. Chia di sản thừa kế của ông X theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận sự tự nguyện của bà N, chị C nhường toàn bộ suất thừa kế được hưởng cho chị O.

- Giao cho chị Trần Thị Kiều O được quyền sử dụng 117m^2 đất nằm ở phía Đông thuộc thửa đất số 569 tờ bản đồ số 14 thuộc thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (trong đó có 94m^2 đất ở và 23m^2 đất cây lâu năm) cùng tường bao và toàn bộ các cây trồng trên phần đất này có giá trị 199.700.000 đồng.

Ranh giới quyền sử dụng đất giao cho chị O được xác định bởi đường nối các điểm 1, M3, M2, M1.

- Giao cho chị Trần Thị M được quyền sử dụng 107,1m^2 đất nằm ở phía Tây Nam thuộc thửa đất số 569 tờ bản đồ số 14 thuộc thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (trong đó có 86m^2 đất ở và 21,1m^2 đất cây lâu năm) cùng tường bao và toàn bộ các cây trồng trên phần đất này có giá trị 182.710.000 đồng.

Ranh giới quyền sử dụng đất giao cho M được xác định bởi đường nối các điểm M1, M2, M3, 2, 3, 4.

(Vị trí, tọa độ các điểm được xác định trong sơ đồ kèm theo bản án)

- Chị M tự nguyện tháo dỡ nhà bằng tôn trên phần diện tích đất giao cho chị O.

- Chị M có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị O số tiền là 22.219.000 đồng (Đã thanh toán xong tại phiên tòa phúc thẩm).

Chị Trần Thị M, chị Trần Thị Kiều O được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng kí, chuyển quyền làm chủ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Chị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị M số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003076 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/5/2024./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn